



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026  
*Học phần: Phân tích tài chính doanh nghiệp*

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001010797	Lê Anh	Khánh	03/09/2004	TC10A	01	97	4,8	01	Khánh	lê
2	000002	1101010760	Nguyễn Ngọc	An	05/11/2005	TC11A	01	98	4,0	01	An	Điền
3	000003	1101010762	Nông Quốc	An	14/02/2005	TC11A	01	99	4,0	01	Quốc	lê
4	000004	1101010765	Lương Ngọc	Anh	28/05/2005	TC11A	01	100	4,5	01	ANH	chấn
5	000005	1101010774	Phạm Hoàng	Phương Anh	28/11/2004	TC11A	01	101	6,5	01	Phạm	lê
6	000006	1101010778	Dương Ngọc	Ánh	02/09/2005	TC11A	01	102	4,3	01	Ngọc	chấn
7	000007	1101011263	Nguyễn Việt	Cường	13/09/2005	TC11A	01	103	4,0	01	Cường	lê
8	000008	1101011391	Trần Hải	Đặng	13/03/2005	TC11A	01	104	4,5	01	Đặng	chấn
9	000009	1101010788	Nguyễn Tiến	Đạt	29/05/2005	TC11A	01	105	5,8	01	Đạt	lê
10	000010	1101011265	Nguyễn Thị	Huyền Diệu	08/05/2005	TC11A	01	106	5,3	01	Diệu	chấn
11	000011	1101011733	Khương Minh	Đức	11/09/2004	TC11A	01	107	7,0	01	Đức	lê
12	000012	1101010795	Nguyễn Việt	Dũng	16/01/2005	TC11A	01	108	5,3	01	Dũng	chấn
13	000013	1101010520	Trần Minh	Dũng	26/07/2005	TC11A	01	109	6,9	01	Dũng	lê
14	000014	1101010798	Nguyễn Thảo	Dương	01/01/2005	TC11A	01	110	3,5	01	Dương	chấn
15	000015	1101010799	Phạm Bình	Dương	03/07/2005	TC11A	01	111	5,8	01	Phạm	lê
16	000016	1101010800	Tạ Minh	Dương	03/08/2005	TC11A	01	112	6,0	01	Dương	chấn
17	000017	1101010801	Vũ Thùy	Dương	26/08/2005	TC11A	01	113	5,0	01	Thùy	lê
18	000018	1101010802	Đặng Khánh	Duy	18/01/2005	TC11A	01	114	5,0	01	Duy	chấn
19	000019	1101010803	Nguyễn Phương	Duy	05/12/2005	TC11A	01	115	7,0	01	Phương	lê
20	000020	1101010808	Lê Ngân	Hà	22/11/2005	TC11A	01	116	4,0	01	Ngân	chấn
21	000021	1101010811	Đỗ Thị	Thúy Hằng	12/01/2005	TC11A	01	117	4,8	01	Hằng	lê
22	000022	1101010812	Nguyễn Thu	Hằng	10/10/2005	TC11A	01	118	3,5	01	Hằng	chấn
23	000023	1101010816	Phạm Thị	Hiền	07/01/2005	TC11A	01	119	5,0	01	Hiền	lê
24	000024	1101010817	Dư Quang	Hiệp	29/10/2005	TC11A	01	120	3,8	01	Hiệp	chấn
25	000025	1101011276	Đỗ Thanh	Hoa	18/12/2005	TC11A	01	121	6,0	01	Hoa	lê
26	000026	1101010821	Bùi Việt	Hoàng	29/11/2005	TC11A	01	122	2,0	01	Hoàng	chấn
27	000027	1101010822	Nguyễn Huy	Hoàng	30/10/2005	TC11A	01	123	5,0	01	Hoàng	lê
28	000028	1101010827	Nguyễn Thị	Hoàng Hương	06/01/2005	TC11A	01	124	6,3	01	Hoàng	chấn
29	000029	1101010828	Phùng Thị	Thu Hương	13/12/2005	TC11A	01	125	6,3	01	Hương	lê
30	000030	1101010830	Nguyễn Quang	Huy	14/08/2005	TC11A	01	126	7,0	01	Huy	chấn
31	000031	1101010831	Bùi Khánh	Huyền	21/10/2005	TC11A	01	127	6,5	01	Huyền	lê
32	000032	1101010834	Nguyễn Thị	Khánh Huyền	29/08/2005	TC11A	01	128	5,3	01	Huyền	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 32.....

Tổng số tờ giấy thi: 32.....

Tổng số biên bản: 9.....

Ngày 24 tháng 06 năm 2026

Cán bộ coi thi 1      Cán bộ coi thi 2

Trình Thị Thu Hoa      Hồ Thị Tâm



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Phân tích tài chính doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000033	1101010835	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	14/01/2005	TC11A	01	1	7,3	1	Huyền	lẻ
2	000034	1101010837	Phạm Trung	Khải	10/07/2005	TC11A	01	2	4,0	1	Khải	chẵn
3	000035	1101011445	Ngô Hoàng	Lan	12/06/2005	TC11A	01	3	7,0	1	Lan	lẻ
4	000036	1101010846	Đỗ Thị Hoàng	Linh	29/04/2005	TC11A	01	4	5,5	1	Linh	chẵn
5	000037	1101011382	Nguyễn Khánh	Linh	17/02/2005	TC11A	01	5	4,3	1	Linh	lẻ
6	000038	1101011332	Toàn Hoàng Bảo	Linh	27/08/2005	TC11A	01	6	4,3	1	Linh	chẵn
7	000039	1101010853	Lê Tuấn	Long	13/11/2005	TC11A	01	7	5,5	1	Long	lẻ
8	000040	1101010174	Đỗ Phương	Ly	03/01/2005	TC11A	01	8	5,5	1	Ly	chẵn
9	000041	1101011288	Trần Khánh	Ly	15/11/2005	TC11A	01	9	3,5	1	Ly	lẻ
10	000042	1101010180	Chu Thị Hoàng	Mai	01/11/2005	TC11A	01	10	7,3	2	Mai	chẵn
11	000043	1101030632	Chu Hải	Nam	31/05/2005	TC11A	01	11	2,3	1	Nam	lẻ
12	000044	1101010864	Đỗ Hằng	Nga	03/11/2005	TC11A	01	12	7,8	2	Nga	chẵn
13	000045	1101011293	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	17/07/2005	TC11A	01	13	3,0	4	Ngân	lẻ
14	000046	1101010876	Nguyễn Yến	Nhi	23/03/2005	TC11A	01	14	8,3	2	Nhi	chẵn
15	000047	1101010879	Hà Thị Hồng	Nhung	05/05/2005	TC11A	01	15	5,8	1	Nhung	lẻ
16	000048	1101010237	Nguyễn Nam	Phương	26/01/2005	TC11A	01	16	5,0	1	Phương	chẵn
17	000049	1101010887	Nguyễn Xuân	Quang	31/01/2005	TC11A	01	17	5,5	1	Quang	lẻ
18	000050	1101011304	Đặng Thị Phương	Thào	17/08/2005	TC11A	01	18	5,8	1	Thào	chẵn
19	000051	1101010899	Nguyễn Thị Anh	Thơ	01/08/2005	TC11A	01	19	5,0	1	Thơ	lẻ
20	000052	1101010900	Đỗ Minh	Thu	13/09/2005	TC11A	01	20	5,0	1	Thu	chẵn
21	000053	1101011305	Nguyễn Thanh	Thu	27/01/2005	TC11A	01	21	7,0	1	Thu	lẻ
22	000054	1101010280	Đỗ Hoài	Thương	29/03/2005	TC11A	01	22	7,5	1	Thương	chẵn
23	000055	1101011310	Đình Quốc	Toàn	25/06/1997	TC11A	01	23	2,3	1	Toàn	lẻ
24	000056	1101010903	Lương Quỳnh	Trang	09/11/2005	TC11A	01	24	6,5	1	Trang	chẵn
25	000057	1101011314	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	20/01/2005	TC11A	01	25	7,8	2	Trang	lẻ
26	000058	1101021056	Nguyễn Thị Thu	Trang	21/01/2005	TC11A	01	26	4,0	1	Trang	chẵn
27	000059	1101011315	Phạm Thị	Trang	29/01/2004	TC11A	01	27	7,8	2	Trang	lẻ
28	000060	1101010904	Phan Thị Huyền	Trang	10/10/2005	TC11A	01	28	7,0	1	Trang	chẵn
29	000061	1101011250	Hoàng Quốc	Tuấn	06/11/2005	TC11A	01	29	1,8	1	Tuấn	lẻ
30	000062	1101011377	Đỗ Thế	Tùng	09/10/2005	TC11A	01	30	4,0	1	Tùng	chẵn
31	000063	1101010911	Đỗ Tường	Vy	07/08/2005	TC11A	01	31	7,5	2	Vy	lẻ
32	000064	1101010912	Nguyễn Kim	Xuân	21/03/2005	TC11A	01	32	2,5	1	Xuân	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: ... 32 ...

Tổng số tờ giấy thi: ... 32 ...

Tổng số biên bản: ... 0 ...

Ngày 24 tháng 06 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm T. Hưng

Lê Thị Như Hà



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Phân tích tài chính doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000065	1101010329	Trần Thị Chiêu	Xuân	07/05/2005	TC11A	01	66	5,5	2	Xuân	le
2	000066	1101011370	Đình Thị Hải	Yên	09/03/2004	TC11A	01	67	7,3	1	Yên	chấn
3	000067	1101061081	Nguyễn Bùi Bảo	Ngọc	22/12/2005	KA11A	02	68	2,3	1	Ngọc	ce?
4	000068	1001020162	Đỗ Phương	Liên	11/05/2004	KD10A	02	69	2,3	1	Liên	chấn
5	000069	1001020022	Đỗ Quốc	Anh	28/02/2004	KD10G	02					ĐK
6	000070	0810211204	Nguyễn Trần Thiên	Sơn	26/07/2002	KD8D	02	70	5,0	1	Sơn	chấn
7	000071	1001010787	Nguyễn Xuân	Hoàng	28/10/2004	NH10A	02	71	4,8	1	Hoàng	le
8	000072	1101011259	Đình Thị Ngọc	Anh	30/06/2005	NH11A	02	72	6,2	1	Anh	chấn
9	000073	1101010766	Lưu Quỳnh	Anh	19/05/2005	NH11A	02	73	5,0	1	Anh	le
10	000074	1101010769	Nguyễn Thị Hải	Anh	01/09/2005	NH11A	02	74	3,8	1	Anh	chấn
11	000075	1101010478	Nguyễn Thị Mai	Anh	27/12/2005	NH11A	02	75	2,8	1	Anh	le
12	000076	1101011261	Nguyễn Việt	Anh	09/11/2005	NH11A	02	76	4,0	1	Anh	chấn
13	000077	1101011386	Bùi Gia	Bảo	14/06/2005	NH11A	02	77	5,8	1	Bảo	le
14	000078	1101010785	Bùi Thị Kiều	Chinh	27/07/2005	NH11A	02	78	6,0	1	Chinh	chấn
15	000079	1101010786	Cao Mạnh	Cường	07/09/2005	NH11A	02	79	4,5	1	Cường	le
16	000080	1101011372	Đình Trọng	Đạo	03/05/2005	NH11A	02	80	7,3	1	Đạo	chấn
17	000081	1101010512	Phạm Thành	Đạt	28/03/2005	NH11A	02	81	3,3	1	Đạt	le
18	000082	1001010770	Lương Anh	Dũng	22/11/2004	NH11A	02	82	3,5	1	Dũng	chấn
19	000083	1101010796	Bùi Thái	Dương	05/12/2005	NH11A	02	83	4,5	1	Dương	le
20	000084	1101010797	Nguyễn Quang	Dương	17/09/2005	NH11A	02	84	5,8	1	Dương	chấn
21	000085	1101011268	Nguyễn Văn	Dương	05/09/2003	NH11A	02	85	3,5	1	Dương	le
22	000086	1101011269	Nguyễn Thu	Giang	29/09/2005	NH11A	02	86	5,5	1	Giang	chấn
23	000087	1101010807	Trương Hương	Giang	10/11/2005	NH11A	02	87	4,0	1	Hương	le
24	000088	1001010781	Trần Huy	Hải	14/07/2004	NH11A	02	88	6,5	1	Hải	chấn
25	000089	1101010819	Nguyễn Thu	Hòa	29/04/2005	NH11A	02	89	6,3	1	Hòa	le
26	000090	1101010823	Đỗ Văn	Hồng	25/01/2005	NH11A	02	90	3,8	1	Hồng	chấn
27	000091	1101011444	Hoàng Ánh	Hồng	26/11/2005	NH11A	02	91	4,0	1	Hồng	le
28	000092	1101011277	Đoàn Đức	Hùng	09/08/2005	NH11A	02	92	4,5	1	Hùng	chấn
29	000093	1101010110	Nguyễn Việt	Hùng	26/08/2005	NH11A	02	93	7,0	1	Hùng	le
30	000094	1101011279	Nguyễn Khải	Hưng	07/10/2005	NH11A	02	94	4,8	1	Hưng	chấn
31	000095	1101010836	Trần Thanh	Huyền	14/12/2005	NH11A	02	95	3,8	1	Huyền	le
32	000096	1101010128	Nguyễn Trọng	Khang	26/03/2005	NH11A	02	96	4,5	1	Trọng	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 31.....

Tổng số tờ giấy thi: 32.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 24 tháng 6 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Hải Hương

Nguyễn Thị Ngọc Hà



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Phân tích tài chính doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000097	1101011282	Dương Quốc	Khánh	19/08/2003	NH11A	02	33	7,0	01	Khánh	le
2	000098	1101011404	Nguyễn Nam	Khánh	08/12/2005	NH11A	02	34	3,0	01	Khánh	chấn
3	000099	1101010841	Vũ Duy	Kiên	01/09/2005	NH11A	02	35	3,3	01	Kiên	le
4	000100	1101011284	Hoàng Thị	Lam	21/02/2005	NH11A	02	36	9,0	02	Lam	chấn
5	000101	1101010844	Bùi Khánh	Linh	06/10/2005	NH11A	02	37	5,8	01	linh	le
6	000102	1101010845	Đặng Thị Nhật	Linh	01/10/2005	NH11A	02	38	5,3	01	linh	chấn
7	000103	1101011285	Đào Thị Thùy	Linh	07/11/2005	NH11A	02	39	8,5	01	linh	le
8	000104	1101010848	Kiều Khánh	Linh	08/10/2005	NH11A	02	40	4,5	01	linh	chấn
9	000105	1101010849	Lê Hoài	Linh	15/09/2005	NH11A	02	41	6,5	01	linh	le
10	000106	1101011380	Nguyễn Khánh	Linh	15/08/2005	NH11A	02	42	4,8	01	linh	chấn
11	000107	1101010852	Vũ Thị Ngọc	Linh	25/06/2005	NH11A	02	43	7,5	01	linh	le
12	000108	1101010859	Nguyễn Công	Minh	25/10/2005	NH11A	02	44	5,8	01	Minh	chấn
13	000109	1101010860	Phạm Quang	Minh	26/08/2005	NH11A	02	45	5,3	01	Minh	le
14	000110	1101010861	Vũ Đức	Minh	03/11/2005	NH11A	02	46	5,3	01	Minh	chấn
15	000111	1101011416	Nguyễn Trà	My	07/04/2005	NH11A	02	47	6,5	01	Trà	le
16	000112	1101010870	Trần Bích	Ngọc	22/03/2005	NH11A	02	48	5,5	01	Ngọc	chấn
17	000113	1101010874	Nguyễn Trần Thống	Nhật	19/01/2005	NH11A	02	49	7,3	01	Thống	le
18	000114	1101010875	Hoàng Thị Yên	Nhi	04/11/2005	NH11A	02	50	6,0	01	Nhi	chấn
19	000115	1101010877	Lê Quỳnh	Như	12/06/2005	NH11A	02	51	4,5	01	Như	le
20	000116	1101010880	Vương Thị Hồng	Nhung	01/06/2005	NH11A	02	52	6,0	01	Nhung	chấn
21	000117	1101011399	Phạm Thùy	Phuong	27/08/2005	NH11A	02	53	7,3	01	Phuong	le
22	000118	1101010885	Nguyễn Minh	Quân	23/03/2005	NH11A	02	54	5,5	01	Quân	chấn
23	000119	1101011432	Nguyễn Tiến	Quang	11/10/2005	NH11A	02	55	7,3	01	Quang	le
24	000120	1101010888	Tạ Trường	Quang	09/11/2005	NH11A	02	56	6,3	01	Quang	chấn
25	000121	1101011301	Nguyễn Phương	Quỳnh	19/08/2005	NH11A	02	57	7,0	01	Quỳnh	le
26	000122	1101010890	Trần Ngọc	Quỳnh	05/03/2005	NH11A	02	58	4,0	01	Quỳnh	chấn
27	000123	1101010896	Nguyễn Hiền	Thảo	02/01/2005	NH11A	02	59	7,5	01	Thảo	le
28	000124	1101010897	Nguyễn Đức	Thiện	25/02/2005	NH11A	02	60	5,0	01	Thiện	chấn
29	000125	1101010713	Nguyễn Khánh	Toàn	25/12/2005	NH11A	02	61	4,8	01	Toàn	le
30	000126	1101010905	Trần Thị Thùy	Trang	25/06/2000	NH11A	02	62	8,3	02	Trang	chấn
31	000127	0901030111	Hoàng Minh	Trí	28/12/2003	NH11A	02	63	4,8	01	Trí	le
32	000128	1101011422	Nguyễn Thị Thúy	Vân	30/04/2005	NH11A	02	64	6,3	01	Vân	chấn
33	000129	1101010910	Lương Ngọc	Vượng	08/09/2005	NH11A	02	65	5,8	01	Vượng	le

Tổng số sinh viên dự thi: ... 33 ...

Tổng số tờ giấy thi: ... 35 ...

Tổng số biên bản: ... (không) ...

Ngày 24 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1      Cán bộ coi thi 2

*(Signature)*

Ngô T. An

*(Signature)*

Phạm Việt Phương